

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG I NĂM 1997

Ở các tỉnh thuộc phía đông Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An thời tiết ẩm và mưa nhiều.

Mức nước các sông trên phạm vi cả nước ở mức tương đương với TBNN (trung bình nhiều năm).

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

Không khí lạnh

Trong tháng có bốn đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ vào các ngày 5,8,18,23. Đợt không khí lạnh ngày 18 và 23 có cường độ mạnh hơn cả; nhiệt độ sau 24h giảm từ 9-12°C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3 - cấp 4, ngoài khơi cấp 5-cấp 6. Trời rét.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Bình có nền nhiệt độ cao hơn TBNN, nhiều nơi cao hơn TBNN từ 1,5 đến 2,2°C.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai) : 2,7°C xảy ra ngày 25.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Đông Phú (Bình Phước): 34,4°C xảy ra ngày 27.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Huế (Thừa Thiên - Huế) :162mm (+1mm).

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Như Xuân (Thanh Hóa) : 110mm/ngày 5.

Nhiều nơi thuộc Nam Trung Bộ và Nam Bộ cả tháng không mưa.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc Trung Bộ có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Lục Yên (Yên Bái): 12giờ (-43giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Phan Thiết (Bình Thuận) : 294 giờ (+19giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, thời tiết ẩm xen kẽ với một số đợt rét nên thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp, không có hiện tượng mạ bị chết rét hoặc già ống như hai, ba năm gần đây. Lúa chiêm sớm đã cấy nhìn chung phát triển tốt.

Ở các tỉnh Miền Nam, thời tiết vẫn thuận lợi đối với sản xuất nông nghiệp.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Mức nước các sông ở Bắc Bộ, trong tháng ít thay đổi.

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 26,27m (ngày 1), mực nước thấp nhất trong tháng: 26,01m (ngày 31).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất trong tháng: 16,88m (7h ngày 25), mực nước thấp nhất trong tháng 16,29m (ngày 31).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình

+ Lưu lượng đến hồ lớn nhất trong tháng: $650\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 1)

+ Lưu lượng nhỏ nhất trong tháng: $539\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 31).

+ Lưu lượng trung bình tháng: $600\text{m}^3/\text{s}$, tương đương mức TBNN.

+ Mực nước hồ ngày đầu tháng: 116,67m (7h ngày 1)

+ Mực nước hồ ngày cuối tháng: 113,27m (7h ngày 31).

+ Lưu lượng xả lớn nhất đo tại trạm Bến Ngọc: $1020\text{m}^3/\text{s}$, nhỏ nhất: $300\text{m}^3/\text{s}$.

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất tháng: 3,46m (7h ngày 23), mực nước thấp nhất tháng: 2,86m (7h ngày 3), mực nước trung bình tháng: 3,25m, cao hơn mức TBNN 5cm.

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức bình thường, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế xuống dần.

- Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng: 1,94m (2h ngày 1), ngày cuối tháng: 1,47m (2h ngày 31), cao hơn cùng thời kỳ năm 1996 là 20cm.

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước cao nhất tháng: 1,85m (1h ngày 1), ngày cuối tháng: 1,37m (1h ngày 31), cao hơn cùng thời kỳ năm 1996 là 28cm.

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc: Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình $3-5\text{m/s}$ (cấp 2-cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất $18-20\text{m/s}$ (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình $0,25-0,75\text{m}$ (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất $3,00-4,00\text{m}$ (cấp V-cấp VI).

- Vùng biển phía nam: Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình $4-6\text{m/s}$ (cấp 3-cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất $19-21\text{m/s}$ (cấp 8 - cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình $0,50-0,90\text{m}$ (cấp II-cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất $4,00-5,00\text{m}$ (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình $19-21^\circ\text{C}$, cao nhất $22-24^\circ\text{C}$, thấp nhất $16-18^\circ\text{C}$.

- Vùng biển phía nam: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình $25-27^\circ\text{C}$, cao nhất $30-32^\circ\text{C}$, thấp nhất $22-24^\circ\text{C}$.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình $28-29\text{‰}$, cao nhất $31-32\text{‰}$, thấp nhất $26-27\text{‰}$.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tăng mật trung bình 30-31‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 28-29‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn

3	83	86	7	2.3	2.3	38	3.21	7.23	1.0	4.7		
02	18	78	7	0.0	8.8	44	0.22	0.88	0.1	0.71		
3	30	07	2	2.8	7.17	78	3.72	0.72	2.74	3.2		
08	3	87	81	2	7.4	83	3.01	6.51	0.04	3.5		
7	01	80		2.2	2.2		2.2	1.22	0.1	1.73		
27	18	80	28	0.0	0.01	67	2.38	0.00	0.14	2.77		
7	84	88	17	8.8	3.47	1	3.88	2.02	3.11	3.81		
151	74	88	88	0.01	0.41	32	2.32	0.02	0.14	0.71		
28	64	81	10	7.8	1.20	1	3.84	0.01	0.14	2.81		
27	88	78	10	2.8	2.2	1	3.88	1.02	0.1	2.77		
17	88	78	88	10.1	2.2	2	2.2	0.02	0.1	0.71		
101	88	06	22	0.0	2.2	32	0.28	0.12	0.7	3.7		
15	74	84	17	0.8	2.4	82	1.72	0.02	0.14	3.7		
28	28	88	17	0.01	0.2	18	1.82	0.12	0.24	0.8		
17	88	77	24	0.4	0.4	18	1.72	1.12	0.0	0.4		
28	41	82	88	0.0	0.4	2	0.0	0.02	0.0	1.65		
20	22	88	21	0.0	0.2	48	0.48	0.07	0.16	0.73		
28	88	88	102	0.0	0.4	1	0.0	0.16	0.4	1.73		
12	48	88	14	4.4	0.8	2	0.2	0.18	0.1	0.8		
12	48	83	11	10.7	1.6	28	0.2	0.18	0.1	1.82		
12	48	81	11	10.9	1.6	28	0.2	0.18	0.1	1.8		
28	88	80	12	10.8	1.6	28	0.2	0.18	0.1	1.8		
21	08	7	16	13.1	1.7	22	1.72	0.0	0.0	1.0		
22	04	70	18	0.21	1.0	22	0.8	0.4	0.3	0.91		
2	24	88	18	14.1	1.87	20	0.8	0.4	0.3	0.91		
18	88	87	18	0.0	0.8	22	0.8	0.7	0.0	2.0		
17	88	85	28	0.1	0.8	24	0.8	0.7	0.0	2.0		
27	08	70	18	8.8	0.0	24	0.88	0.08	0.0	2.22		
8	22	78	14	18.8	0.02	1	0.88	0.1	0.0	2.41		
24	88	70	18	0.8	0.4	22	0.88	0.18	0.0	2.4		
6	40	74	17	19.0	0.12	24	0.8	0.12	0.0	2.66		
27	88	88	18	0.8	0.02	12	0.78	0.72	0.0	2.42		
01	18	18	28	0.02	0.12	8	0.88	0.08	0.0	0.48		

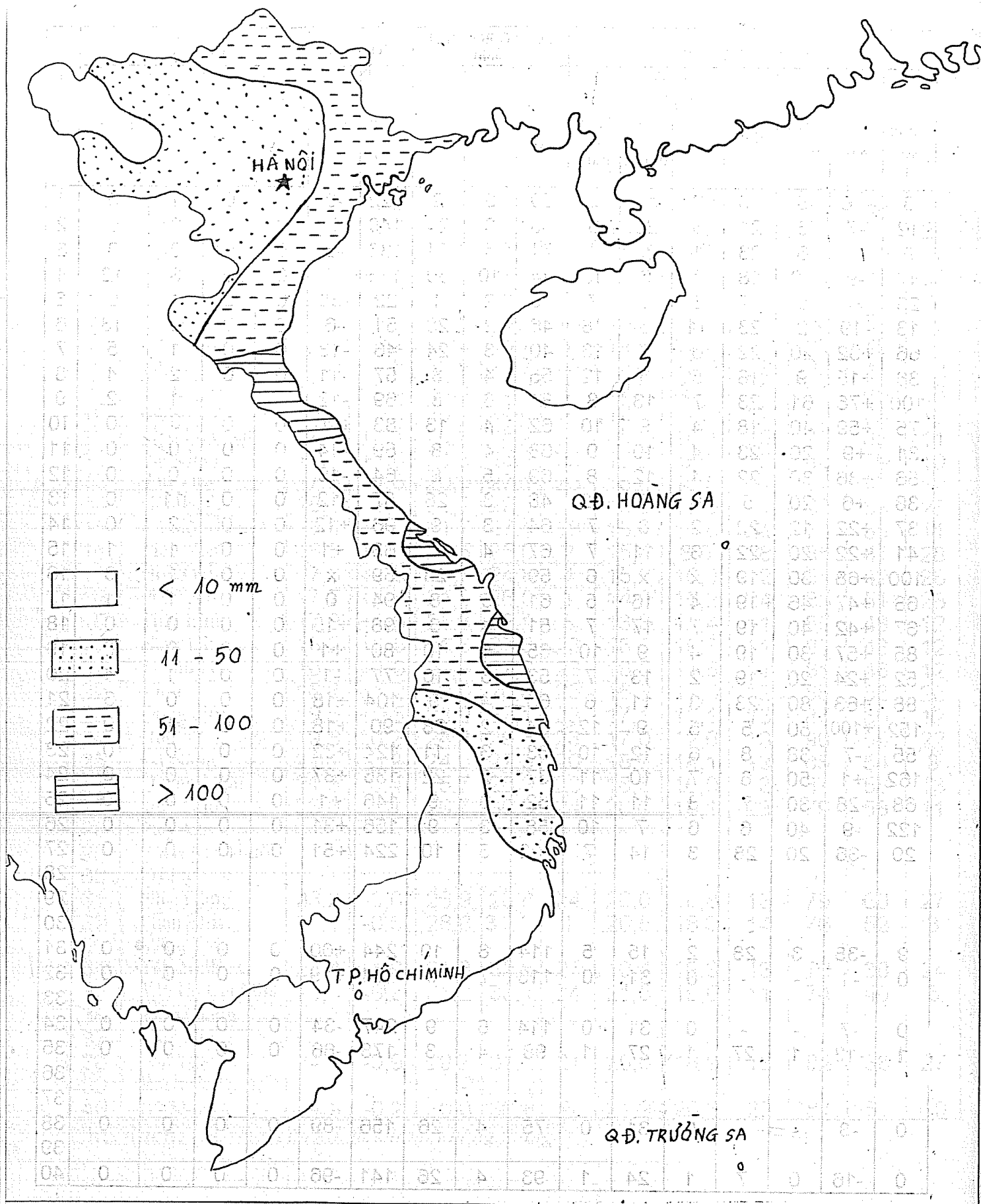
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

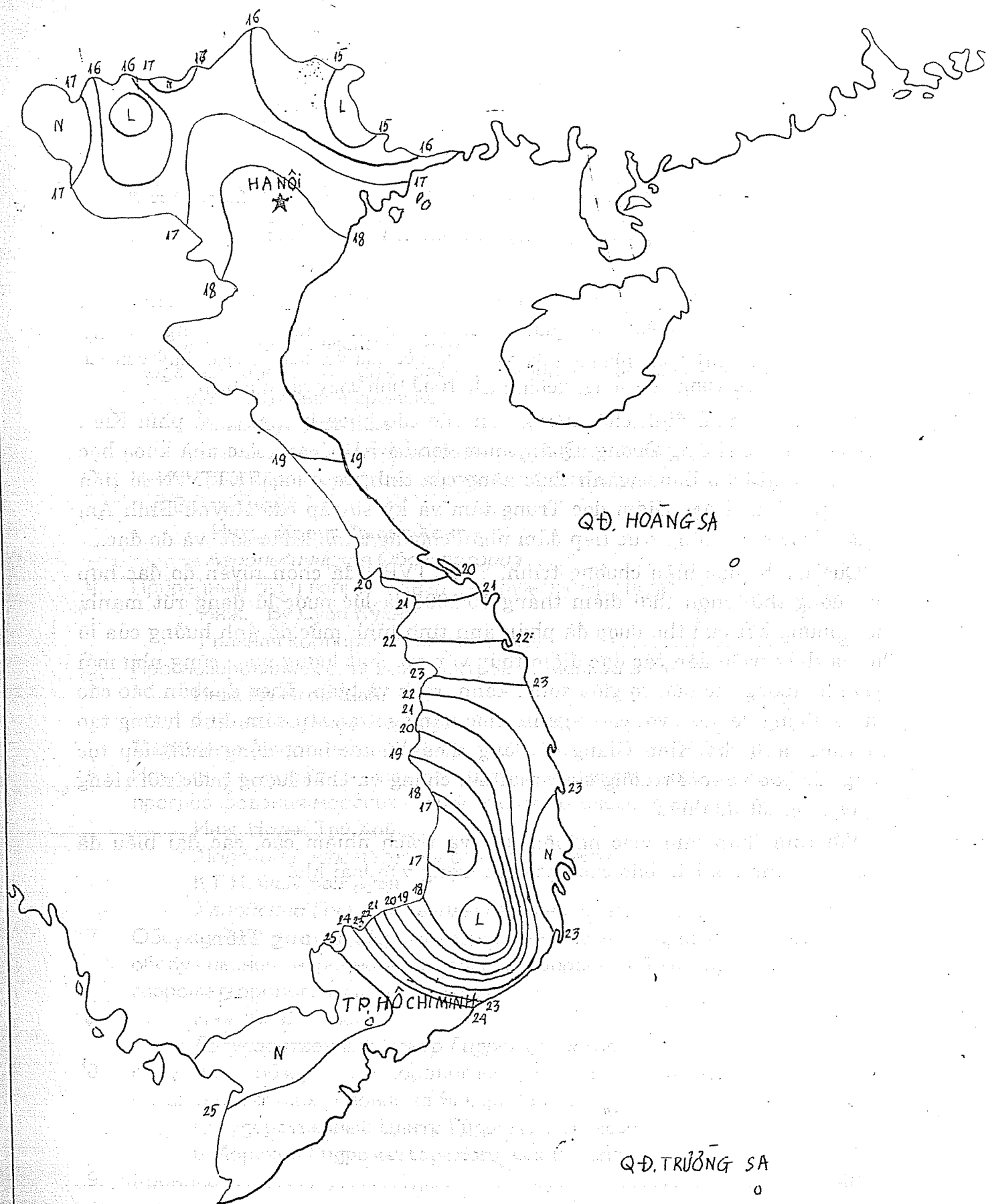
Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	17,4	+0,2	23,7	29,0	22	14,2	12,1	1	83	53	2
2	Điện Biên	17,0	+1,3	23,9	27,5	21	13,4	10,0	4	82	51	20
3	Sơn La	15,8	+1,2	21,9	27,4	17	11,5	9,6	12	78	39	3
4	Sà Pa	9,4	+0,9	12,8	19,5	30	6,7	2,7	25	89	41	30
5	Lào Cai	17,5	+1,5	21,7	25,8	1	14,9	12,2	9	84	39	1
6	Yên Bái	17,2	+1,9	20,9	26,4	18	15,0	10,5	28	86	51	12
7	Hà Giang	16,6	+1,2	20,5	26,7	1	14,4	11,3	11	86	49	1
8	Tuyên Quang	17,3	+1,8	20,9	26,7	23	14,0	10,0	28	82	47	12
9	Lạng Sơn	14,9	+1,6	19,5	25,4	1	12,0	3,7	12	81	45	28
10	Cao Bằng	15,2	+1,2	20,1	26,6	1	12,2	5,3	12	78	28	12
11	Thái Nguyên	17,6	+2,1	20,9	25,2	2	15,2	10,1	28	79	38	11
12	Bắc Giang	17,7	+1,8	21,3	25,9	23	15,2	9,0	12	80	39	10
13	Phủ Thọ	17,5	+1,8	20,9	27,1	23	15,4	10,5	11	84	47	12
14	Hòa Bình	18,3	+2,2	21,9	29,1	18	15,5	10,5	11	83	53	28
15	Hà Nội (Láng)	18,4	+2,0	21,7	27,1	18	16,4	11,8	24	77	38	11
16	Tiên Yên	16,5	+1,8	20,5	25,0	2	15,4	8,0	28	85	41	28
17	Hòn Gai	17,6	+1,8	20,7	24,8	4	15,2	10,0	12	85	42	28
18	Phủ Liễn	17,7	+1,4	21,6	26,0	1	14,9	10,2	24	83	51	28
19	Thái Bình	17,9	+1,8	21,3	26,1	3	13,3	11,4	11	85	48	12
20	Nam Định	18,2	+1,5	21,8	27,3	23	16,1	10,7	11	83	43	12
21	Thanh Hóa	18,6	+1,6	21,9	27,2	23	16,5	11,5	11	81	48	12
22	Vinh	18,8	+1,2	22,0	26,8	23	16,8	11,5	12	88	58	28
23	Đồng Hới	19,5	+0,5	23,0	27,1	23	17,1	13,1	13	87	60	12
24	Huế	19,8	-0,2	24,4	29,8	23	17,0	12,6	13	90	54	22
25	Đà Nẵng	21,1	-0,2	24,8	27,3	20	18,7	14,1	13	85	54	3
26	Quảng Ngãi	21,3	-0,4	25,7	28,8	23	18,6	16,0	13	87	58	13
27	Quy Nhơn	23,0	0,0	26,7	30,3	24	20,6	18,1	23	79	58	11
28	Plây-Cu											
29	Buôn Ma Thuột											
30	Đà Lạt											
31	Nha Trang	23,2	-0,6	26,9	28,8	24	20,0	16,8	13	79	60	27
32	Phan Thiết	24,1	-0,6	28,8	31,1	1	20,5	18,9	14	76	52	3
33	Vũng Tàu											
34	Tây Ninh	24,4	-1,0	31,8	32,6	27	19,4	16,3	13	70	38	24
35	T.P. Hồ Chí Minh	25,5	-0,3	31,2	33,1	24	21,5	19,0	11	74	40	5
36	Tiền Giang											
37	Cần Thơ											
38	Sóc Trăng	24,2	-0,9	29,7	31,7	21	20,6	18,9	13	82	38	27
39	Rạch Giá											
40	Cà Mau	24,9	-0,2	30,0	30,8	6	21,9	20,6	23	81	51	10

Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG I NĂM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	Mạnh			
8	-16	5	18	2	12	3	59	3	2	122	-9	0	0	1	0	1
12	-7	6	21	3	20	3	69	3	24	149	-11	0	0	2	0	2
9	-7	6	23	1	22	1	71	4	21	136	-6	0	0	0	0	3
47	-9	10	18	7	6	13	44	10	30	115	-1	0	0	3	12	4
28	+7	9	17	3	8	7	16	2	1	22	-58	0	0	1	0	5
13	-19	2	23	11	5	18	46	2	28	51	-6	0	0	0	13	6
66	+32	20	22	6	7	13	40	3	24	46	-13	0	0	1	5	7
36	+15	9	18	5	5	12	55	4	8	57	-11	0	0	2	4	8
100	+76	61	23	7	13	8	81	6	8	69	-12			1	2	9
75	+59	40	18	4	9	10	62	4	13	83	+20	0	0	3	0	10
31	+9	20	23	4	10	9	68	4	8	59	-14	0	0	0	0	11
56	+36	30	22	4	12	8	69	5	8	64	-19	0	0	0	0	12
38	+6	20	5	6	7	12	48	3	28	57	-12	0	0	11	0	13
37	+22	12	22	2	8	7	64	3	9	96	+12	0	0	2	0	14
41	+22	20	22	3	11	7	67	4	8	68	+1	0	0	1	1	15
100	+68	30	19	x	x	6	59	5	28	59	x	0	0	1	0	16
68	+47	46	19	4	16	5	61	5	8	94	0	0	0	1	1	17
67	+42	40	19	7	17	7	51	4	6	98	+15	0	0	0	0	18
85	+57	30	19	4	9	10	65	5	10	80	+1	0	0	0	0	19
52	+24	20	19	2	13	7	53	3	10	77	-1	0	0	1	4	20
88	+63	80	23	3	11	6	66	4	9	104	+18	0	0	0	3	21
152	+100	50	5	5	9	12	34	2	28	90	+18	0	0	1	0	22
55	-7	38	8	6	12	10	63	3	11	124	+32	0	0	0	0	23
162	+1	50	6	7	10	11	37	2	22	135	+37	0	0	0	0	24
68	-28	30	7	8	11	11	52	3	9	146	+1	0	0	0	0	25
122	-9	40	6	6	7	10	58	3	9	156	+31	0	0	0	0	26
29	-36	20	28	3	14	7	102	5	10	224	+51	0	0	0	0	27
																28
																29
																30
9	-38	3	28	2	15	5	114	8	10	244	+60	0	0	0	0	31
0	-1	-	-	0	31	0	113	7	9	294	+19	0	0	0	0	32
																33
0	-7	-	-	0	31	0	114	6	9	247	-34	0	0	0	0	34
1	-13	1	27	1	27	1	98	4	3	178	-66	0	0	0	0	35
																36
																37
0	-8	-	-	0	31	0	75	4	26	156	-89	0	0	0	0	38
																39
0	-16	0	7	1	24	1	93	4	26	141	-96	0	0	0	0	40





Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng I năm 1997